

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/8/2024

V/v tranh chấp: "Ly hôn và nuôi con chung"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG,
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Cát Hoàng T**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị L**

2. Bà **Võ Thị Bời**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Võ Thu T** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Nha Trang tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Phi D** – Kiểm sát viên.

Từ ngày 09 đến ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 506/2023/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2023 về tranh chấp "Ly hôn và chia tài sản chung sau ly hôn"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 53/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/7/2024 và giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Hồng M** - Sinh năm: 1986

Nơi ĐKKHKT: 25A Hải Đức, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa.

Chỗ ở hiện nay: 303/2/4 đường 23 tháng 10, Nha Trang, Khánh Hòa

Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Mỹ: Luật sư **Nguyễn Thiện Khiêm** – thuộc Công ty luật TNHH Gia Võ – Chi nhánh Khánh Hòa. Có mặt.

* Bị đơn: Ông **Trần Nhật T** - Sinh năm: 1984

Địa chỉ: 25A Hải Đức, Phường Sài, Nha Trang, Khánh Hòa.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà **Lê Thị Hồng M** trình bày:

Bà và ông **Trần Nhật T** tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2015 tại Ủy ban nhân dân phường Phương Sơn, thành phố Nha Trang. Quá trình chung sống với nhau có hai con chung là cháu **Trần Lê Bảo Nam** sinh ngày 10/4/2015 và cháu **Trần Thiên Phú** sinh ngày 03/2/2018. Tuy nhiên cuộc sống vợ chồng giữa hai bên không hạnh phúc thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bà cùng hai con ra ngoài sinh sống hơn một năm nay. Bà Mỹ xin ly hôn ông **Tùng** vì không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc.

- Về con chung: Bà trình bày trước giờ hai cháu một tay bà chăm lo và sau này khi không còn chung sống với ông **Tùng** hai cháu cũng ra ngoài ở cùng mẹ cho

đến bay giờ. Nguyên vọng bà muốn nuôi hai cháu và yêu cầu ông Tùng cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng 2.500.000 đồng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/3/2024 bà tự nguyện làm đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung. Bà xác định không yêu cầu tòa án giải quyết tài sản chung và xác định ko có nợ chung.

Tại phiên tòa, bà Mỹ vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện là được ly hôn với ông Tùng, tiếp tục nuôi hai con chung và ông Tùng phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.500.000 đồng.

** Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Trần Nhật T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất như lời bà Mỹ trình bày, cuộc sống vợ chồng của ông và bà Mỹ không còn hạnh phúc nên bà Mỹ xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Ông và bà Mỹ có hai con chung là cháu Trần Lê Bảo Nam sinh ngày 10/4/2015 và cháu Trần Thiên Phú sinh ngày 03/2/2018. Ông có nguyện vọng được nuôi cháu Bảo Nam và giao cháu Thiên Phú cho bà Mỹ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông không yêu cầu ai cấp dưỡng. Ông không đồng ý giao bà Mỹ nuôi hai con chung và cấp dưỡng như bà Mỹ yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, ông Tùng đồng ý ly hôn. Về con chung, ông đồng ý giao cho bà Mỹ tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu nhưng về yêu cầu cấp dưỡng thì bản thân ông đang thất nghiệp nên không đồng ý với mức 2.500.000 đồng mỗi tháng cho mỗi cháu. Khả năng của ông chỉ là 1.000.000 đồng mỗi tháng cho mỗi cháu. Nếu bà Mỹ không đồng ý với mức cấp dưỡng mà ông đưa ra thì ông muốn nhận nuôi cháu lớn là Bảo Nam và đôi bên không cần cấp dưỡng.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn luật sư Nguyễn Thiện Khiêm trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận cho bà Mỹ ly hôn với ông Tùng vì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Giao hai cháu Bảo Nam và Thiên Phú cho bà Mỹ trực tiếp nuôi dưỡng vì bà Mỹ hoàn toàn có đủ khả năng, điều kiện chăm sóc tốt nhất cho hai cháu và buộc ông Tùng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi cháu 2.500.000 đồng.*

** Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Thị Hồng M ly hôn với ông Trần Nhật T. Giao hai cháu Bảo Nam và Thiên Phú cho bà Mỹ trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Tùng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9/2024 cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn là các ông bà Nguyễn Thị Minh Yến, Nguyễn Văn Hiên và Nguyễn Thu Hương thuộc Công ty Luật TNHH Gia Võ – Chi nhánh

Khánh Hòa. Nhưng tại phiên tòa, bà Mỹ trình bày yêu cầu luật sư Nguyễn Thiện Khiêm thuộc Công ty Luật TNHH Gia Võ – Chi nhánh Khánh Hòa thay thế ba luật sư nêu tên trên tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Qua lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa bà Lê Thị Hồng M yêu cầu được ly hôn với ông Trần Nhật T vì không còn tình cảm vợ chồng. Ông Tùng đồng ý thống nhất ly hôn với bà Mỹ. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của bà Mỹ và ông Tùng.

[2] Về con chung: Ông Tùng và bà Mỹ có hai con chung là cháu Trần Lê Bảo Nam sinh ngày 10/4/2015 và cháu Trần Thiên Phú sinh ngày 03/2/2018. Hiện hai cháu đang sinh sống cùng bà Mỹ và bà Mỹ yêu cầu được nuôi hai con chung vì bà có đủ điều kiện khả năng tài chính để chăm lo cho hai cháu. Suốt thời gian bà và ông Tùng ly thân thì chỉ có bà chăm lo tốt cho các cháu, điều này được chính ông Tùng cũng thừa nhận tại phiên tòa và ông Tùng tự nguyện giao hai con chung cho bà Mỹ nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy nhằm đảm bảo cho các cháu có cuộc sống ổn định và phát triển tốt nhất cho tâm sinh lý của trẻ em cần tiếp tục giao hai cháu Bảo Nam và Thiên Phú cho bà Mỹ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với điều kiện hiện tại, phù hợp với quy định của pháp luật cũng như ý chí của con chung cháu Bảo Nam có nguyện vọng sống cùng với mẹ và em Thiên Phú.

3. Về cấp dưỡng: Mức cấp dưỡng bà Mỹ yêu cầu là 2.500.000 đồng mỗi tháng cho mỗi cháu thì ông Tùng không đồng ý vì hiện ông không có việc làm ổn định, ông tự nguyện cấp dưỡng cho mỗi cháu là 1.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà Mỹ cũng không chứng minh được thu nhập thực tế của ông Tùng. bà Mỹ cho rằng ông Tùng làm nghề tự do, thu nhập không ổn định. Tại phiên Tòa ông Tùng trình bày trước kia ông có làm lái xe thu nhập hàng tháng từ năm đến sáu triệu đồng. Nhưng sau mùa dịch bệnh ông thất nghiệp, hiện mượn xe của em trai chạy taxi ngày được ngày không nên đó cũng là lý do khi bà Mỹ cùng hai con ra bên ngoài sinh sống ông không có điều kiện chu cấp cho các con lần nào.

Hội đồng xét xử xét thấy, cha, mẹ không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con điều này được pháp luật quy định và bảo vệ nên việc bà Mỹ yêu cầu buộc ông Tùng phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung là hoàn toàn hợp lý.

Việc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con phải căn cứ vào nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng thì cũng cần căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông Tùng không có thu nhập ổn định nên vừa cấp dưỡng 5.000.000 đồng cho hai con chung hàng tháng vừa đảm bảo nhu cầu cuộc sống bản thân là rất khó khăn cho việc thi hành án. Nhưng với tình hình kinh tế xã hội nơi hai cháu hiện đang sinh sống thì 1.000.000 đồng cấp dưỡng cho một cháu mà ông Tùng tự nguyện đặt ra là không đảm bảo. Do vậy, cần buộc ông Tùng có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 1.500.000 đồng là phù hợp với điều kiện của các bên, phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung nếu xét thấy cần thiết bà Lê Thị Hồng M và ông Trần Nhật T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Theo các tài liệu chứng cứ thể hiện ngày 21/3/2024 nguyên đơn bà Lê Thị Hồng M có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu chia tài sản chung. Hội đồng xét xử xét thấy đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận và cần đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn.

Do đó, về tài sản chung các đương sự không yêu cầu giải quyết và xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí:

Bà Mỹ và ông Tùng mỗi người phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Tùng còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại cho bà Lê Thị Hồng M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0011674 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 55, Điều 8182, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;
- Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 244 Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Nghị quyết 01/2024 NQ-GD8TP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điểm a khoản 5; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà Lê Thị Hồng M và ông Trần Nhật T.

3. Về con chung: Giao hai cháu Trần Lê Bảo Nam sinh ngày 10/4/2015 và cháu Trần Thiên Phú sinh ngày 03/02/2018 cho bà Lê Thị Hồng M trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục.

4. Về cấp dưỡng: Ông Trần Nhật T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng (Tức 1.500.000 đồng/cháu). Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 9 năm 2024 cho đến khi các con chung lần lượt tròn 18 tuổi.

Ông Tùng có quyền thăm nom các con chung không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết bà Lê Thị Hồng M và ông Trần Nhật T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

6. Án phí: Hoàn lại cho bà Lê Thị Hồng M tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2021/0011674 ngày 24/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang.

Bà Mỹ chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 75.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp theo biên thu số AA/2021/0011673. Hoàn lại cho bà Mỹ 225.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Trần Nhật T chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng ông Tùng phải nộp 375.000 đồng (Ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Quy định:

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP Nha Trang;
- UBND P. Phương Sơn – TP Nha Trang
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

Nguyễn Cát Hoàng T